

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THANH PHÚ  
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2025/HNGĐ-ST  
Ngày: 09-5-2025  
V/v: “Ly hôn, tranh chấp nuôi  
con”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH PHÚ, TỈNH BẾN TRE**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa:* Ông Hồ Văn Tú

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Huỳnh Ngọc Sơn

2. Bà Bùi Thị Duyên

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Võ Tuấn Khanh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:** Bà Bùi Thị Mai Ly - Kiểm sát viên.

Trong ngày 09 tháng 5 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 128/2025/TLST- HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2025 về việc “ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 26/2025/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trương Thị Bé H, sinh năm 1990; địa chỉ: số D ấp T, xã M, huyện T, tỉnh Bến Tre. Chỗ ở hiện nay: số I ấp Q, xã H, huyện T, tỉnh Bến Tre. (có đơn xin vắng mặt)

2. *Bị đơn:* Anh Lê Văn H1, sinh năm 1985; địa chỉ: số D ấp T, xã M, huyện T, tỉnh Bến Tre. (vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 10/3/2025 và trong quá trình tố tụng nguyên đơn chị Trương Thị Bé H trình bày:*

Về hôn nhân, chị và anh Lê Văn H1 tiến tới hôn nhân là do quen biết, có tìm hiểu nhau và tự nguyện tiến tới hôn nhân. Có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện T, tỉnh Bến Tre ngày 11/5/2011. Kết hôn xong cuộc sống vợ chồng có hạnh phúc thời gian dài, tuy nhiên thời gian sau này vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm trong cuộc sống gia đình và nhiều vấn đề khác nhưng giữa chị và anh Lê Văn H1 không hàn gắn được, chị và anh Lê Văn H1 đã không còn sống chung với nhau khoảng hơn 05 năm nay, hai bên

không có hàn gắn tình cảm. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng dành cho anh Lê Văn H1 không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Lê Văn H1. Chị không yêu cầu anh Lê Văn H1 cấp dưỡng cho chị khi ly hôn.

Về con chung: Chị và anh Lê Văn H1 có 02 con chung là Lê Tuấn K, sinh ngày 28/12/2007 và Lê Ngọc A, sinh ngày 12/12/2017, hiện 02 con chung đang sống chung với chị. Khi ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu anh H1 cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

*Bị đơn anh Lê Văn H1 vắng mặt trong tất cả các lần Tòa án triệu tập, không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trương Thị Bé H và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì cho Tòa án.*

**Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:**

Về trình tự thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử sơ thẩm và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; riêng bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 8, 51, 53, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trương Thị Bé H, cụ thể: Về hôn nhân, chị Trương Thị Bé H được ly hôn với anh Lê Văn H1; chị Trương Thị Bé H không yêu cầu giải quyết việc cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn nên không xem xét giải quyết. Về con chung, chị Trương Thị Bé H được trực tiếp nuôi dưỡng Lê Tuấn K, sinh ngày 28/12/2007 và Lê Ngọc A, sinh ngày 12/12/2017; anh Lê Văn H1 được thăm nom, chăm sóc con chung không ai được ngăn cản; chị Trương Thị Bé H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét giải quyết. Về tài sản chung, chị Trương Thị Bé H trình bày không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết. Về nợ chung, chị Trương Thị Bé H trình bày không có nên không xem xét giải quyết.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ theo đơn khởi kiện của nguyên đơn thì vụ án có quan hệ pháp luật là “ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn anh Lê Văn H1 cư trú tại ấp T, xã M, huyện T, tỉnh Bến Tre nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Trương Thị Bé H có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn anh Lê Văn H1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị Trương Thị Bé H và anh Lê Văn H1.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Xét về điều kiện kết hôn và đăng ký kết hôn thấy rằng chị Trương Thị Bé H và anh Lê Văn H1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện T, tỉnh Bến Tre. Do đó, hôn nhân của chị Trương Thị Bé H và anh Lê Văn H1 đã tuân thủ đầy đủ các quy định về điều kiện kết hôn và đăng ký kết hôn nên được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Xét lời trình bày của chị Trương Thị Bé H cho rằng, quá trình sống chung giữa chị và anh Lê Văn H1 có hạnh phúc một thời gian, sau đó thì không còn hạnh phúc do có xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm trong cuộc sống và đã không còn sống chung với nhau nhưng không hàn gắn được tình cảm.

Đối với anh Lê Văn H1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và phiên tòa xét xử. Như vậy, có cơ sở xác định anh Lê Văn H1 không mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng với chị Trương Thị Bé H và không quan tâm đến cuộc sống hôn nhân với chị Trương Thị Bé H. Qua kết quả xác minh về tình trạng hôn nhân giữa chị Trương Thị Bé H và anh Lê Văn H1, cho thấy lời trình bày của chị Trương Thị Bé H về mâu thuẫn trong cuộc sống vợ chồng của chị và anh Lê Văn H1 là có thật và đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trương Thị Bé H đối với anh Lê Văn H1. Về nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn, do chị Trương Thị Bé H không yêu cầu và không ghi nhận được ý kiến của anh Lê Văn H1 nên không xem xét giải quyết.

[4] Về con chung: chị Trương Thị Bé H và anh Lê Văn H1 có 02 người con chung là cháu Lê Tuấn K, sinh ngày 28/12/2007 và Lê Ngọc A, sinh ngày 12/12/2017. Hiện tại, các con chung đang sống chung với chị Trương Thị Bé H và chị Trương Thị Bé H yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con chung. Thấy rằng, từ khi chị Trương Thị Bé H và anh Lê Văn H1 không còn sống chung thì chị Trương Thị Bé H là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Lê Tuấn K, sinh ngày 28/12/2007 và Lê Ngọc A, sinh ngày 12/12/2017. Quá trình giải quyết vụ án anh Lê Văn H1 không có ý kiến gì đối với yêu cầu nuôi con chung của chị Trương Thị Bé H. Xét thấy, chị Trương Thị Bé H có đủ điều kiện để chăm sóc, nuôi dạy các con chung để các cháu phát triển tốt về mọi mặt. Vì vậy, giao con chung Lê Tuấn K, sinh ngày 28/12/2007 và Lê Ngọc A, sinh ngày 12/12/2017 cho chị Trương Thị Bé H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục là phù hợp, qua đó nhằm bảo đảm sự ổn định, hạn chế sự xáo trộn môi trường sống, giáo dục của con chung, điều này cũng phù hợp với nguyện vọng của các

cháu Lê Tuấn K và Lê Ngọc A. Chị Trương Thị Bé H không yêu cầu anh Lê Văn H1 cấp dưỡng nuôi con nên ghi nhận.

[5] Về tài sản chung: Chị Trương Thị Bé H trình bày không yêu cầu giải quyết, đối với anh Lê Văn H1 không có lời trình bày nên không xem xét giải quyết.

[6] Về nợ chung: Chị Trương Thị Bé H trình bày không có, không yêu cầu giải quyết, đối với anh Lê Văn H1 không có lời trình bày nên không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: Do yêu cầu ly hôn được chấp nhận nên chị Trương Thị Bé H phải nộp án phí dân sự không có giá ngạch là 300.000 đồng.

[8] Quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Áp dụng khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trương Thị Bé H đối với anh Lê Văn H1. Chị Trương Thị Bé H được ly hôn với anh Lê Văn H1.

Chị Trương Thị Bé H không yêu cầu giải quyết nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn nên không xem xét giải quyết.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung tên Lê Tuấn K, sinh ngày 28/12/2007 và Lê Ngọc A, sinh ngày 12/12/2017 cho chị Trương Thị Bé H được trực tiếp nuôi dưỡng, anh Lê Văn H1 không phải cấp dưỡng nuôi con do chị Trương Thị Bé H không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trên cơ sở lợi ích của con, cha mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con khi có căn cứ.

3. Về chia tài sản chung: Chị Trương Thị Bé H trình bày không yêu cầu giải quyết, anh Lê Văn H1 không có lời trình bày nên không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Chị Trương Thị Bé H trình bày không có, không yêu cầu giải quyết, anh Lê Văn H1 không có lời trình bày nên không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Chị Trương Thị Bé H phải chịu 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010865 ngày 10/3/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Phú, án phí đã nộp đủ.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./*

**Nơi nhận:**

- Đường sự;
- UBND xã Mỹ Hưng,  
huyện Thanh Phú;
- VKSND huyện Thanh Phú;
- Chi cục THADS huyện Thanh Phú;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu HS, Vp.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Hồ Văn Tú**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Văn Sơn Lê Khắc Hiệp**

**Hồ Văn Tú**